Name: ……...

Class: S4…

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ…., ngày…/….

Ngày HS nộp bài: Thứ…., ngày…/….

Grammar: ……

Listening: ……

Mini Test: ……

GLOBAL ENGLISH 4

End of term revision: Cambridge KET Speaking Practice

A. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	**platform** (n)	sân ga (xe lửa)	5	**injured** (adj)	bị làm hại, bị thương
2	**furniture** (n)	đồ đạc (trong nhà)	6	**get on** (phr. v)	lên (xe buýt, tàu,...)
3	**railway** (n)	đường sắt	7	**get back from** (phr. v)	quay trở lại từ đâu
4	**it's a pity** (phr)	thật đáng tiếc	8	**stamp** (n)	tem

B. EXTRA VOCABULARY FOR END OF TERM TEST

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	**rubbish** (n)	rác thải	11	**porthole** (n)	cửa sổ tròn (trên tàu thuyền)
2	**rubbish tip** (n)	bãi rác	12	**carpet** (n)	thảm
3	**mud** (n)	bùn	13	**fond of** (adj phr.)	yêu thích
4	**stone** (n)	đá	14	**meadow** (n)	đồng cỏ
5	**solar panels** (n)	tấm pin năng lượng mặt trời	15	**peg** (n)	cái móc, cái kẹp
6	**tub** (n)	bồn (chứa nước)	16	**respectable** (adj)	đáng kính, đáng trọng
7	**water tank** (n)	bể chứa nước	17	**tile** (n)	gạch ngói
8	**local materials** (n)	vật liệu địa phương	18	**music academy** (n phr.)	học viện âm nhạc
9	**efficiently** (adv)	một cách hiệu quả	19	**amusement park** (n phr.)	công viên giải trí
10	**knob** (n)	núm, tay vặn	20	**sport centre/center** (n phr.)	trung tâm thể thao

- **Note:** n = noun: danh từ; phr. v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ; phr = phrase: cụm diễn đạt; adv = adverb: trạng từ; adj phr. = adjective phrase: cụm tính từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ.
- Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Read the description and complete the word.

0. a room in the house where food is prepared — *K I T C H E N*

1. a natural event that looks like colorful lights dancing in the sky at night — N _ _ _ _ _ _ _ / L _ _ _ _ _

2. a home built above the ground, with long wooden legs — S _ _ _ _ H _ _ _ _

LIVEWORKSHEETS

3. a sport that people slide down snowy hills on a board — S _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _ _

4. a small, sweet fruit with a bright red color and tiny seeds — R _ _ _ _ _ _ _ _

5. a taste often found in chips or the ocean water — S _ _ _ _

II. Choose the word that has the closest meaning to the underlined word.

0. The room feels very spacious with all the furniture removed.

(A.) *wide* *B. relaxing* *C. humid*

1. The view of the sunset was absolutely beautiful.
   A. enormous B. stunning C. freezing
2. A bungalow is a comfortable type of house to live in.
   A. modern B. humid C. relaxing
3. The Arctic has a very freezing climate all year round.
   A. icy B. dry C. sticky
4. He has a caring attitude for his little sister.
   A. lively B. fair C. loving
5. Many people hunt for treasures in the mountains.
   A. collect B. search C. hide

III. Put the words in the correct topic.

~~rugby~~	bungalow	eco-house	spiky	surfing	crunchy

Topics	Words
Sports and Hobbies	rugby
	_____
Adjectives to Describe Foods	_____
	_____
Types of Houses	_____
	_____

IV. Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences.

0. The farmer found a box full of hidden __treasure__ (U E A R S R E T).

1. The children played happily on the _____ (D S E L I) in the park.
2. This room feels very _____ (C O A F M R O T E B L) with its soft chairs and warm colors.
3. They use a _____ (E C T R R A E K A) to take care of the school building.
4. The house is made of _____ (N E D W O O) and has a very traditional style.
5. The _____ (A E R H T) orbits the Sun once every year.

LIVEWORKSHEETS

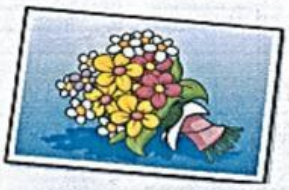
Con làm bài Nghe theo link sau:
https://drive.google.com/file/d/1oSI8yWTkbWgw_00SJhjESBluDHveW0dM/view?usp=sharing

Part 3

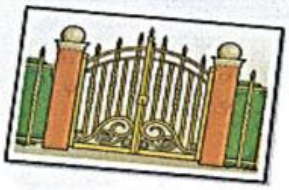
– 5 questions –

Where did Uncle Harry take each of these photos?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



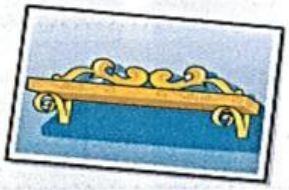
flowers F



a gate ☐



a taxi ☐



a shelf ☐



a flag ☐



a painting ☐

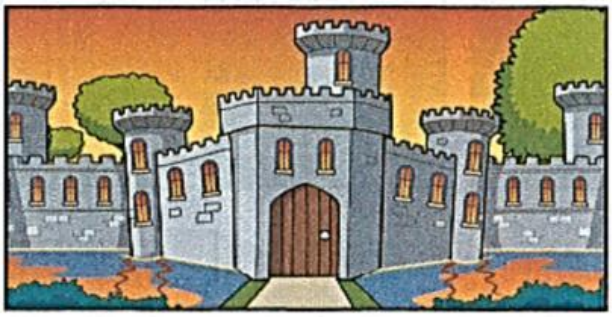
LIVEWORKSHEETS



A



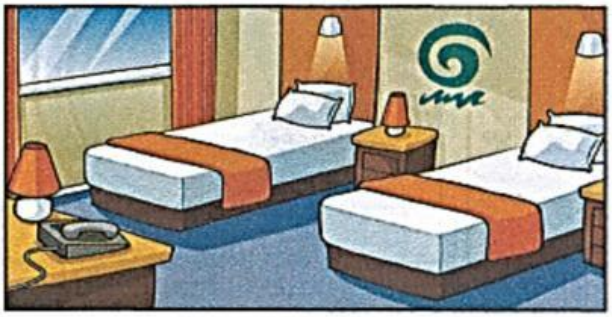
B



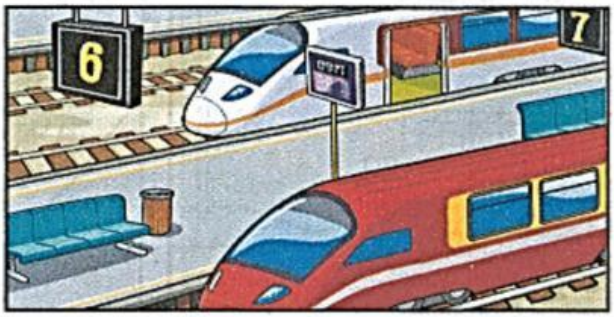
C



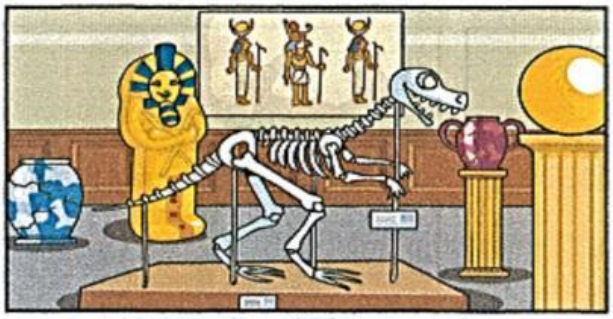
D



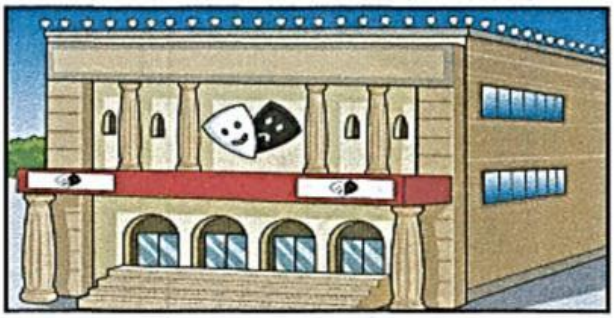
E



F



G



H

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài Nghe theo link sau:
https://drive.google.com/file/d/1OVmVS-rmVCh8tSAZKXw1QVgvb0eegocm/view?usp=sharing
hoặc: *https://youtu.be/rYtG1y1j96k?si=TOBf_QPSuwZQMjjd*

PART 4 Questions 16-20

Play audio

For each question, choose the correct answer.

16. You will hear two friends talking together. What are they doing?

A. Looking at a photo

B. Talking about a friend

C. Studying for a test

17. You will hear a boy talking about a journey. What was his problem?

A. He was late for the class

B. He had to pay a lot of money

C. He didn't bring his bag

18. You will hear two neighbours talking about Mrs. Day. What's Mrs. Day doing now?

A. Working in her office

B. Climbing through a window.

C. Planting flowers

19. You will hear two friends talking. What did the boy do wrong?

A. He sent the box to the wrong address

B. He didn't send the card

C. He forgot to put a stamp on the card

20. You will hear two teachers talking about a student. What are they saying about Mandy?

A. She's doing very well in her studies.

B. She started a new school recently.

C. She is working to help her family.

LIVEWORKSHEETS